

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2020/DS-ST
Ngày: 14/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ka Sô Bách

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Bùi Thị Lùng;

- Ông Ksor Y Thư.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn – Kiểm sát viên.

Vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại X; trụ sở chính 40-42-44 Phạm H.T, phường X, thành phố R, tỉnh K, do ông Nguyễn V.T- Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng thương mại X- chi nhánh Phú Yên làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Vợ chồng ông Hồ V.H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn TY, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên và bà Châu T.T.Tr, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày;

Ngày 25/11/2017 Ngân hàng thương mại X- chi nhánh Phú Yên giải ngân cho vợ chồng ông Hồ V.H, bà Châu T.T.Tr (Vợ chồng ông H, bà Tr) vay số tiền 1.000.000.000^d (Một tỷ đồng) theo hợp đồng tín dụng số 494/17/HĐTD/2300-3003, với mức lãi suất là 10,44%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng

một lần, được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi cuối kỳ của Ngân hàng thương mại X tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng biên độ 3,69%/năm thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ cuối cũng là ngày 25/11/2018, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh gỗ và làm mộc dân dụng. Vợ chồng ông H, bà Tr có thể chấp bằng tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 137/15/HĐTc - BDS/2300 - 2863 ngày 28/8/2015 và hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 137/15/HĐTC - BDS. 2300 – 2863 - lần 1 ngày 14/10/2016 gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 112(-1), tờ bản đồ 62, diện tích 240m², số vào sổ GCN: H00568, GCNQSDĐ số AD110599 do UBND huyện SH cấp cho vợ chồng ông Hồ V.H, bà Châu T.T.Tr đứng tên sử dụng vào ngày 08/12/2006 và thửa số 157,169, tờ bản đồ số 62 diện tích 4.521m², số vào sổ GCN: H00075, GCNQSDĐ số AD110598 do UBND huyện SH cấp cho vợ chồng ông Hồ V.H, bà Châu T.T.Tr đứng tên quyền sử dụng ngày 29/12/2005, các thửa đất đều tọa lạc tại thôn TY, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H, bà Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại X đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà Tr trả nợ nhưng vợ chồng ông H, bà Tr vẫn không trả nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Tr trả số tiền 1.260.387.114^d, trong đó gốc vay là 1. 000. 000. 000^d, lãi phát sinh tính đến ngày 05/6/2020 là 260. 387. 114^d và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng số 494/17/HĐTD/2300 - 3003 ngày 25/11/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông H, bà Tr trả số tiền 1. 277. 939. 774^d, trong đó gốc vay là 1.000.000.000^d, lãi phát sinh tính đến ngày 14/7/2020 là 277. 939. 774^d và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng số 494/17/HĐTD/2300 - 3003 ngày 25/11/2017 cho đến khi trả hết nợ. Nếu vợ chồng ông H bà Tr không trả nợ thì Ngân hàng thương mại X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 137/15/HĐTc - BDS/2300 - 2863 ngày 28/8/2015 và hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 137/15/HĐTC - BDS. 2300 – 2863 - lần 1 ngày 14/10/2016 phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của đại diện Ngân hàng thương mại X là vợ chồng ông H, bà Tr có vay Ngân hàng thương mại X chi nhánh Phú Yên số tiền 1. 000. 000. 000^d, mức lãi suất, thời hạn vay cũng như mục đích vay. Do làm ăn thua lỗ nên không trả nợ cho Ngân hàng thương mại X được. Nay Ngân hàng thương mại X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ số tiền 1. 260. 387. 114^d, trong đó gốc vay là 1.000.000.000^d, lãi phát sinh tính đến ngày 05/6/2020 là 260.387.114^d và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng số 494/17/HĐTD/2300 - 3003 ngày 25/11/2017 cho đến khi trả hết nợ, ông H thống nhất trả, nhưng do bà Tr cứ trốn tránh không chịu gặp Ông để hai vợ chồng cùng thỏa thuận với Ngân hàng thương mại X trả nợ. Mặc dù bà Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông H cũng đã báo cho bà Tr

biết nhưng bà Tr vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc kiện, nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông H, bà Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 25/11/2017 Ngân hàng thương mại X giải ngân cho vợ chồng ông H, bà Tr vay số tiền 1.000.000.000^d, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn 25/11/2018, lãi trong hạn 10,44%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo quy định của Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn, hình thức thanh toán vốn trả vào cuối kỳ, lãi thì trả hàng tháng, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H, bà Tr không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng thương mại X khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc là 1.000.000.000^d và tiền lãi tính đến ngày 14/7/2020 là 2.77.939.774^d là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản điều 466 BLDS; khi ký kết hợp đồng vợ chồng ông H, bà Tr có thể chấp bằng tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ 62, diện tích 240m², GCNQSDĐ số AD110599 và thửa số 157,169, tờ bản đồ số 62 diện tích 4.521m², GCNQSDĐ số AD110598 đều tọa lạc tại thôn TY, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên đứng tên vợ chồng ông H, bà Tr được đăng ký thế chấp tại Văn phòng công chứng Phú Yên là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 323 BLDS. Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định thì Ngân hàng thương mại X có quyền kê biên, phát mãi tài sản để thực hiện quyền thu hồi nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 323 BLDS. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Đề nghị áp dụng quy định tại các Điều 156, 157, 157 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vợ chồng ông H có tài sản thế chấp tại Thôn TY, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên,

đồng thời ông H thường trú tại Thôn TY, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Do đó theo quy định tại Điều 35, Điều 39; Điều 40 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân huyện SH.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Hợp đồng giao kết giữa Ngân hàng thương mại X với vợ chồng ông Hồ V.H, bà Châu T.T.Tr là hai chủ thể mà một bên là Ngân hàng thương mại X có đăng ký kinh doanh và bên là vợ chồng ông H, bà Tr không có đăng ký kinh doanh, do đó thuộc quan hệ tranh chấp dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hợp đồng tín dụng số 494/17/HĐTD/2300-3003 ngày 25/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại X với vợ chồng ông H, bà Tr vay số tiền 1.000.000.000^d (Một tỷ đồng) theo hợp đồng tín dụng số 494/17/HĐTD/2300 - 3003, với mức lãi suất là 10,44%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần, được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND, kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi vào cuối kỳ của Ngân hàng X tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng biên độ 3,69%/năm thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/11/2018, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh gỗ và làm mộc dân dụng. Nhưng đến nay đã quá hạn mà vợ chồng ông H, bà Tr vẫn không thanh toán cho Ngân hàng thương mại X số tiền gốc vay và lãi phát sinh là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Tr trả số tiền gốc vay và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.277.939.774^d (Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng). Vì vợ chồng ông H, bà Tr vay có thế chấp bằng tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là hợp đồng thế chấp số 137/15/HĐTC-BĐS/2300 -2863 ngày 28/8/2015 và thế chấp sửa đổi bổ sung số 137/15/HĐTC-BĐS. 2300 -2863 - lần 1 ngày 14/10/2016 đối với các thửa đất số 112(-1), tờ bản đồ 62, diện tích 240m², và thửa số 157,169, tờ bản đồ số 62 diện tích 4.521m², tại Thôn TY, xã EL, huyện SH, tỉnh Phú Yên đều do vợ chồng H, bà Tr đứng tên chủ sở hữu, sử dụng (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2020 thửa đất số 157,169, tờ bản đồ 62 diện tích 4.521m² nay thuộc thửa số 04, tờ bản đồ 109, diện tích 4.953,7m² và thửa số 112(-1), tờ bản đồ 62, diện tích 240m² nay thuộc thửa 216, tờ bản đồ 104, diện tích 206,2m² đo năm 2013).

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng thương mại X và vợ chồng ông H, bà Tr là tự nguyện. Ngân hàng thương mại X đã giải ngân theo đúng hợp đồng, nhưng vợ chồng ông H, bà Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại X. Buộc vợ chồng ông H, bà Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại X số tiền 1.277.939.774^d và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 494/17/HĐTD/2300 - 3003 ngày 25/11/2017 kể từ ngày 15/7/2020 cho đến khi trả hết nợ. Nếu vợ chồng ông H, bà Tr không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự

phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 hợp đồng thế chấp số 137 do các bên đã ký kết ngày 28/8/2015.

[4] Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Vợ chồng ông H, bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 147; 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 298, Điều 463, Điều 465, Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long đối với vợ chồng ông Hồ V.H và bà Châu T.T.Tr.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Hồ V.H, bà Châu T.T.Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền 1.277.939.774^d (Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng số 494/17/HĐTD/2300-3003 ngày 25/11/2017 kể từ ngày 15/7/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Khi vợ chồng ông H, bà Tr trả hết nợ thì Ngân hàng Kiên Long có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD110599 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD110598 đều do UBND huyện SH cấp cho vợ chồng ông Hồ V.H và bà Châu T.T.Tr đứng tên quyền sử dụng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng Kiên Long có đơn yêu cầu thi hành án mà vợ chồng ông H, bà Tr không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện SH kê biên, phát mại tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 137/15/HĐTC-BĐS/2300-2863 ngày 28/8/2015 và thế chấp sửa đổi bổ sung số 137/15/HĐTC-BĐS.2300-2863-lần 1 ngày 14/10/2016 để thu hồi nợ

- Về án phí:

Vợ chồng ông H, bà Tr phải chịu 50.338.000^d (Năm mươi triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Vợ chồng ông H, bà Tr phải chịu 600.000^d chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long đã tạm ứng trước 600.000^d (Sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Vì vậy vợ chồng ông H, bà Tr có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long 600.000^d (Sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

CÁC HÔI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ka Sô Bách

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện SH;
- VKSND huyện
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Ka Sô Bách

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ka Sô Bách